TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Tuấn A; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 2, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu phố V, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa ngày 24/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn A và chị Bùi Thị H.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia A, sinh ngày 25/9/2019. Ly hôn, chị H là người trực tiếp nuôi con, anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[3]. Về tài sản chung: Anh Tuấn A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Tuấn A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia A, sinh ngày 25/9/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025 đến khi cháu Gia A đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh Nguyễn Tuấn A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh Tuấn A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số: BLTU/25/0001459 ngày 11/7/2025, anh Tuấn A đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã V;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc